

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

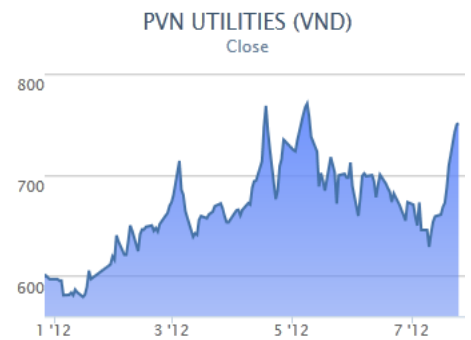
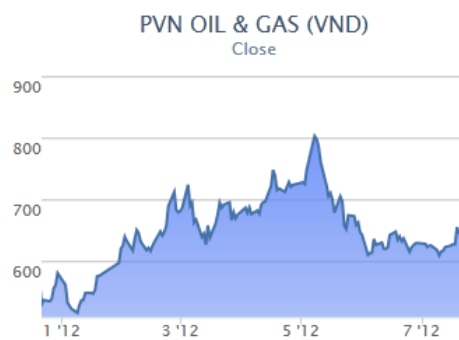
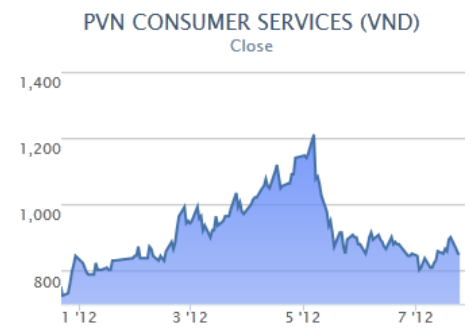


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	793.47	↑ 6.66	↑ 0.85
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	681.06	↑ 5.37	↑ 0.79
PVN ALLSHARE	663.82	↑ 5.73	↑ 0.87
PVN ALLSHARE HNX	572.39	↑ 3.22	↑ 0.57
PVN ALLSHARE HSX	712.65	↑ 5.83	↑ 0.83
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1052.17	↑ 2.9	↑ 0.28
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	866.2	↑ 14.08	↑ 1.65
PVN Tài Chính	602.89	↑ 13.01	↑ 2.21
PVN Công Nghiệp	481.68	↑ 0.21	↑ 0.04
PVN Dầu Khí	632.16	↑ 4.99	↑ 0.8
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	732.32	↓ 18.62	↓ -2.48

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	414.80 ↑	1.89	0.46%
KLGD (triệu ck)	30.78 ↓	-12.74	-29.28%
GTGD (tỷ đồng)	415.62 ↓	-291.42	-41.22%
Tổng cung (triệu ck)	117.47 ↓	-18.48	-13.59%
Tổng cầu (triệu ck)	148.11 ↑	5.54	3.88%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.55 ↓	-2.89	-84.11%
KL bán (triệu ck)	1.56 ↓	-0.38	-19.64%
Giá trị mua (tỷ đồng)	11.90 ↓	-126.74	-91.42%
Giá trị bán (tỷ đồng)	42.11 ↓	-17.90	-29.82%

Nhận định thị trường:

Citigroup vừa nâng ước tính về khả năng Hy Lạp rời Eurozone trong vòng 12-18 tháng tới từ 50-75% lên khoảng 90% do tình trạng trì trệ kinh tế kéo dài của nước này và tác động lây lan lên toàn khu vực.

Sau khi hạ mức tín nhiệm của chính phủ Đức, tổ chức đánh giá tín nhiệm Moody's ngày 25/7 đã tiếp tục hạ triển vọng từ mức "ổn định" xuống "tiêu cực" đối với 17 ngân hàng Đức.

Trong báo cáo này, Standard Chartered dự đoán mức GDP của Việt Nam sẽ tăng 5% trong năm 2012, thấp hơn so với mức dự đoán trước đó là 5,8%. Về lãi suất, báo cáo này cũng nhận định rằng lãi suất có khả năng tiếp tục giảm 100 điểm phần trăm trong quý 3. Ý kiến này khá tương đồng với báo cáo gần đây của ANZ khi ANZ cũng nhận định khả năng lãi suất sẽ còn tiếp tục giảm trong 6 tháng cuối năm.

Theo nhận định của TS. Lê Xuân Nghĩa, các doanh nghiệp hiện không có khả năng hấp thụ vốn, do vậy tín dụng không thể tăng trưởng như mong muốn. Nếu cố gắng bơm tín dụng vào nền kinh tế thì rất dễ rơi vào tình trạng dư thừa tiền mặt, bùng lên nguy cơ lạm phát. Nếu 6 tháng cuối năm tăng tín dụng trung bình 1%/tháng thì tăng trưởng GDP 2012 khoảng 5,1%-5,2% và lạm phát của 5 tháng sau khoảng 0,5%/tháng do độ trễ chính sách.

Sự phục hồi nhẹ của chỉ số không có ý nghĩa tích cực khi thanh khoản thị trường lại có chiều hướng giảm đi trong những phiên phục hồi. Ngưỡng 411 điểm sau khi đã bị cắt qua nhiều lần đã không còn tác dụng là hỗ trợ đối với VN-Index. Các công cụ kỹ thuật cho thấy chỉ số hai sàn đang dao động ngẫu nhiên trong khoảng 392 – 430 điểm với VN-Index và 65 – 72 điểm với HNX-Index. Nếu không có diễn biến nào đặc biệt từ yếu tố thanh khoản thì NĐT chỉ nên tăng tỷ lệ cổ phiếu khi chỉ số về gần vùng hỗ trợ mạnh, và nên giảm bớt tỷ lệ cổ phiếu mỗi khi chỉ số ở gần vùng kháng cự mạnh.

Công Ty CPCI Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	70.09 ↑	0.41	0.59%
KLGD (triệu ck)	39.56 ↑	2.15	5.74%
GTGD (tỷ đồng)	360.63 ↑	13.68	3.94%
Tổng cung (triệu ck)	53.19 ↓	-3.00	-5.33%
Tổng cầu (triệu ck)	57.58 ↓	-3.39	-5.57%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.88 ↑	0.04	4.98%
KL bán (triệu ck)	0.75 ↑	0.29	63.04%
Giá trị mua (tỷ đồng)	10.59 ↑	1.67	18.71%
Giá trị bán (tỷ đồng)	10.39 ↑	4.48	75.75%



Đồ thị HNX-Index.

Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: HNX-index dao động trong vùng 65 – 72 điểm. Trạng thái hiện tại cho thấy xác suất của chu kỳ dao động giảm đang chiếm ưu thế.

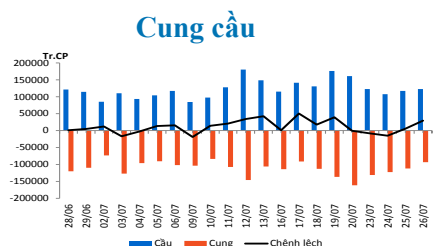
Dòng tiền tham gia HNX tiếp tục yếu đi, thanh khoản giảm trong phiên phục hồi là một dấu hiệu không tốt. Tín hiệu đi kèm là công cụ dòng tiền MFI bắt đầu đi xuống với góc giảm khá mạnh. Thời điểm hiện tại, tình trạng dòng tiền và thanh khoản như trên sẽ khó có thể tạo nên một sự tăng mạnh đột biến với thị trường.

Về mặt xu thế, đường EMA (30) là đường có sức hỗ trợ xu thế rất mạnh trong trung hạn với HNX-Index. Qua thống kê, nó thể hiện xác suất tới 70% thực hiện được tác dụng chỉ báo xu thế với chỉ số sàn này. Hiện tại, HNX-Index đã cắt qua cắt lại EMA (30) thể hiện rằng thị trường sẽ dao động. Theo đó, khoảng dao động hiện tại có thể sẽ quanh vùng 70 điểm. Tuy nhiên chúng tôi nhấn mạnh rằng 72 điểm vẫn là một kháng cự mạnh của HNX-index.

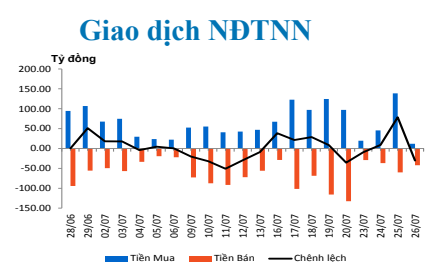
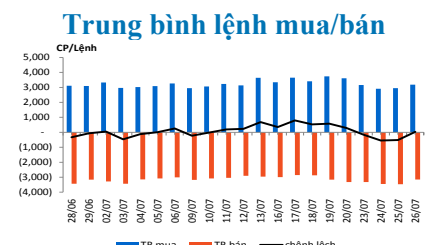
Theo đó, thời điểm hiện tại có thể xuất hiện một số phiên phục hồi nhẹ, tuy nhiên tình trạng kỹ thuật của HNX-Index chưa thích hợp cho việc giải ngân tham gia vào thị trường.

HSX:

Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh



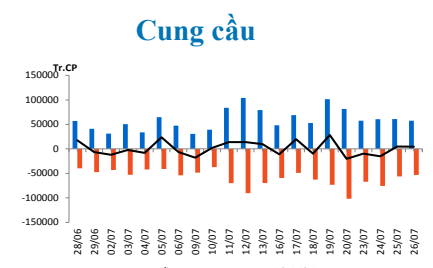
Thị trường có dấu hiệu nhích nhẹ sau 4 phiên giảm điểm liên tục. Với sự hỗ trợ của HAG, GAS, SSI, KBC, DPM, PVF... và một loạt bluechips khác, trong khi BVH, MSN, VNM, VCB, CTG khớp lệnh mở mức tham chiếu giúp VN-Index nhích nhẹ 0.87 điểm, ứng với 0.12% đạt 413.78 điểm ở đợt khớp lệnh thứ nhất. Giao dịch chỉ đạt khoảng 1.37 triệu đơn vị, tương đương 15.63 tỷ đồng. Cuối buổi sáng, VN-Index tăng nhẹ 1.47 điểm, tương ứng 0.36% đạt 414.38 điểm. Giao dịch đạt gần 20 triệu đơn vị, tương đương 255 tỷ đồng. Toàn sàn có 120 mã tăng giá, 76 mã giảm và 63 mã giao dịch ở mức tham chiếu.



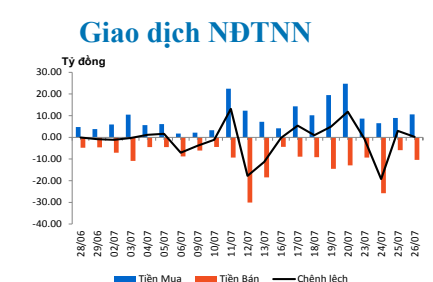
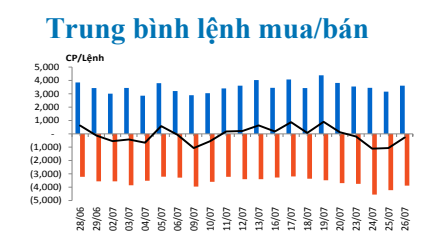
Kết thúc phiên, dù có đến 154 mã tăng giá nhưng đến cuối phiên VN-Index chỉ nhích được 1.89 điểm, tức 0.46% so với tham chiếu và đóng cửa tại 414.8 điểm. Thanh khoản HSX chỉ đạt 30,7 triệu đơn vị, tương đương với 415,67 tỷ đồng, tiếp tục giảm so với phiên trước.

HNX:

Diễn biến thị trường Hà Nội:



Đầu phiên giao dịch, HNX-Index cũng được hỗ trợ từ các mã trụ cột như VND, PVX, SCR, KLS, VCB, ACB... cùng hàng loạt mã vốn hóa vừa và nhỏ khác nên cũng từ từ lấy lại ngưỡng 70 điểm. Giao dịch có phần dè dặt, chỉ đạt khoảng 3.7 triệu đơn vị sau gần 25 phút mở cửa, trị giá 28 tỷ đồng.



Sàn HNX, sau khi quay đầu giảm vào giữa phiên, chỉ số bật tăng nhẹ 0.1 điểm vào cuối buổi, ứng với 0.14% đạt 69.78 điểm. Giao dịch sôi động hơn so với sàn HOSE, với thanh khoản đạt 25.26 triệu đơn vị, tương đương 228 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 93 mã tăng giá, 70 mã giảm và khoảng 234 mã đứng yên.

HNX-Index giữ được mốc 70 điểm, khi tăng 0.41 điểm (+0.59%) và toàn sàn có hơn 160 mã tăng giá. Những cổ phiếu bluechips có vai trò nâng đỡ ở sàn này gồm VND, PVX, KLS, HBB, SCR, VCG, ACB, SHB... đều có sắc xanh, trong đó SCR tăng đến gần 6% lên 10,700 đồng và giao dịch trên 2.34 triệu đơn vị. Khối lượng giao dịch cũng vượt qua mặt HOSE khi đạt gần 40 triệu đơn vị, tương đương 360.66 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 4 cổ phiếu giảm giá, 5 cổ phiếu đứng giá và 19 mã tăng giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PCT (tăng 6,25%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 1,36% và tổng khối lượng giao dịch đạt 6,874 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 26/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,300.0	-	→ 0.00	0.46	14.32	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,400.0	12,600	↑ 6.25	0.33	30.91	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,500.0	164,800	↑ 2.27	0.26	0.44	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,700.0	291,300	↑ 1.47	1.70	1.38	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,200.0	9,300	↑ 2.22	0.85	5.82	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	-	→ 0.00	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,000.0	16,900	↑ 4.17	0.49	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,700.0	97,528	→ 0.00	0.88	2.20	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,800.0	6,200	→ 0.00	1.89	4.93	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,100.0	149,300	↑ 1.83	0.71	7.99	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,600.0	60,000	↑ 1.22	0.71	8.38	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,400.0	400	↑ 1.89	0.52	2.54	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,300.0	385,800	↑ 0.66	1.29	4.09	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,600.0	3,270,090	↑ 1.18	0.38	3.23	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,900.0	28,250	↑ 0.78	3.14	12.47	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	36,300.0	258,590	↑ 0.28	2.17	5.86	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,100.0	9,360	↑ 0.38	1.20	3.18	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,200.0	37,980	↑ 4.35	0.62	5.26	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,300.0	67,740	↑ 1.65	0.70	3.03	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	37,000.0	189,630	↓ -2.63	1.81	5.23	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,400.0	222,670	↑ 4.76	0.43	3.41	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,000.0	101,480	↑ 1.49	1.15	6.68	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,100.0	726,580	↑ 2.54	1.06	15.32	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,100.0	486,350	↓ -1.92	0.52	46.36	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,200.0	62,800	↑ 3.33	0.59	4.13	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,200.0	127,030	↓ -3.70	0.47	2.71	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,800.0	75,780	→ 0.00	0.82	3.24	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,600.0	15,790	↑ 3.70	0.51	3.68	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	20,400	20,800	1.96	22,737,077
ITA	6,800	6,900	1.47	21,703,100
DHM	19,000	19,900	4.74	16,169,418
OGC	12,100	12,600	4.13	15,113,622
HSG	18,000	18,300	1.67	14,011,404

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	10,500	10,900	3.81	44,122
VCS	11,900	11,900	0.00	34,306
PVX	8,500	8,600	1.18	28,027
KLS	10,000	10,100	1.00	27,857
SCR	10,100	10,700	5.94	24,560

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SRF	26,000	27,300	1,300	5.00
BMC	50,000	52,500	2,500	5.00
HAI	18,100	19,000	900	4.97
GTT	6,100	6,400	300	4.92
RAL	31,000	32,500	1,500	4.84

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
KTS	34,700	37,100	2,400	6.92
LDP	21,900	23,400	1,500	6.85
PTM	7,300	7,800	500	6.85
VGP	13,300	14,200	900	6.77
VIT	4,500	4,800	300	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,700	1,600	-100	-5.88
HTI	8,000	7,600	-400	-5.00
RDP	10,500	10,000	-500	-4.76
AGD	44,800	42,700	-2,100	-4.69
UIC	10,700	10,200	-500	-4.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TAG	21,500	20,000	-1,500	-6.98
HLC	11,500	10,700	-800	-6.96
BHV	10,100	9,400	-700	-6.93
CCM	13,100	12,200	-900	-6.87
SD8	4,400	4,100	-300	-6.82

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVD	2,056	HSG	6,422
FPT	1,958	PGD	5,612
HAG	1,782	HAG	4,603
MBB	1,528	BVH	4,265
GAS	747	HPG	4,031

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	3,791	ACB	2,274
ACB	2,274	PVX	1,683
PVX	1,977	PVS	1,531
VNR	1,111	AAA	1,029
KLS	510	SDT	906

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339